

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HS-PT

Ngày: 02/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi

Ông Ngô Quang Dũng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Thân Thị Hải Minh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:***
Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên .

Ngày 02/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 101/2018/TLPT-HS ngày 14/6/2018 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo và đối với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Lê Văn T, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Nguyên C, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Trần Thị H (tên gọi khác Trần Thị V), sinh năm 1936. Gia đình có 07 anh em, bản thân là thứ 5. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 và có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1995.

- Nhân thân:

+ Bản án số 45/1992/HSST ngày 25/9/1992 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt T 03 năm tù về tội “Cướp tài sản riêng của công dân”. T chấp hành xong hình phạt tù năm 1995.

+ Ngày 30/8/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ra quyết định số 1399/QĐ-CT đưa T vào Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Giang để cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

+ Ngày 11/6/2009, Ủy ban nhân dân huyện L ra quyết định số 812/QĐ-UBND đưa T vào Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Giang để cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

+ Ngày 07/6/2013, bị Công an thành phố B xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với mức phạt 750.000 đồng.

- Tiền án: Bản án số 73/2014/HSST ngày 20/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt T 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/6/2017 nhưng chưa chấp hành tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung.

- Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ 20/12/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 45 phút ngày 20/12/2017, tại khu vực nghĩa trang thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Công an huyện Lạng Giang kiểm tra bắt quả tang Lê Văn T, sinh năm 1969 ở thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu được gồm:

- 01 gói nilon màu xanh, bên trong có 04 đoạn ống nhựa loại ống hút nước đều được hàn kín hai đầu (Trong đó có 01 đoạn màu vàng, 01 đoạn màu tím, 01 đoạn màu xanh và 01 đoạn màu hồng), bên trong cả 04 đoạn ống nhựa đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy heroin thu giữ tại nền đường bê tông ngay sát phía bên phải xe mô tô của Phùng Văn H và Lê Văn T.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Star màu sơn xanh, biển kiểm soát 98L1- 1908.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ máy màu xanh, số IMEI: 355243/03/127278/5 thu giữ tại túi quần phía trước bên trái Lê Văn T đang mặc.

- Số tiền 314.000 đồng thu giữ tại túi quần phía sau bên phải Lê Văn T đang mặc.

- Số tiền 200.000 đồng thu giữ tại túi áo khoác bên trái Phùng Văn H đang mặc.

Vật chứng thu giữ nghi là ma túy, Cơ quan điều tra Công an huyện L đã niêm phong gửi giám định. Tại Kết luận giám định số 1973/KL- PC54 ngày 21/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

Trong 01 phong bì thư có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 04 đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu (trong đó có 01 đoạn màu xanh, 01 đoạn màu vàng, 01 đoạn màu hồng, 01 đoạn màu tím), được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh đều là chất ma túy heroin, có tổng khối lượng 0,143 gam (Trong đó khối lượng chất cục bột màu trắng đựng trong từng đoạn ống nhựa lần lượt là: 0,031 gam; 0,042 gam; 0,030 gam; 0,040 gam”.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn T khai nhận:

Lê Văn T và Phùng Văn H, sinh năm 1978 ở thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết nhau và đều là người nghiện ma túy. Khoảng 07 giờ ngày 20/12/2017, T đang ở nhà thì H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Star màu sơn xanh, biển kiểm soát 98L1- 1908 đến nhà T, chở T sang Trung tâm uống thuốc Methadone ở thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để uống thuốc Methadone. Sau khi uống thuốc Methadone xong, T ra ngoài cổng trung tâm thì được một người đàn ông không quen biết cho một ít bã chó nên T và H rủ nhau trộm cắp chó để bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân. H điều khiển xe mô tô chở T đi đến khu T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì thấy trong vườn một gia đình có một con chó màu xám, không có ai ở nhà nên T vút miếng bã chó vào vườn cho con chó ăn. Thấy con chó bị chết, T lấy chiếc bao tải dứa ở xe mô tô của H, nhặt con chó cho vào bao tải dứa. H điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau ôm bao tải dứa đựng con chó trộm cắp được đến quán thịt chó có biển hiệu Thuận Thành ở phố B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang bán được 600.000 đồng. T cầm tiền cất vào túi áo khoác đang mặc rồi ngồi lên xe mô tô của H đi về xã N, huyện Lg. Trên đường về, T rủ H lên thị trấn K để mua ma túy sử dụng, H đồng ý. Trên đường đến thị trấn K, T hỏi H có chơi ma túy không thì H bảo T mua hộ H 01 tép ma túy, H chưa đưa tiền mua ma túy cho T. H chở T đến khu vực bể bơi thị trấn K, T xuống xe vào gặp một người đàn ông không quen biết đặt vấn đề mua ma túy. Người đàn ông hỏi T mua mấy cái (tức mua mấy tép ma túy heroin), T bảo người đàn ông bán cho 04 cái. T đưa cho người đàn ông 400.000 đồng, người đàn ông cầm tiền và bảo T đi sang nghĩa trang thôn T, xã T, huyện L chờ sẽ có người giao ma túy. T quay ra bảo H chở T sang nghĩa trang thôn T, xã T chờ để lấy ma túy. Khi đến khu vực nghĩa trang thôn T, xã T, H đỗ xe ở đỉnh dốc nghĩa trang, còn T đi bộ vào nghĩa trang. Tại đây có một người đàn ông đưa cho T 01 gói nilon màu xanh có chứa ma túy. T cầm gói ma túy ở tay phải đi ra chỗ H đang đợi, ngồi lên xe của H để đi về. Khi H chở T đi xuống chân dốc nghĩa trang thôn T, xã T thì bị Công an kiểm tra. Do sợ hãi nên T thả gói nilon có chứa ma túy xuống đường bê tông ngay dưới chỗ để chân bên phải xe của H. Lực lượng Công an thu giữ số ma túy của T rồi đưa T, H cùng vật chứng về Công an xã T làm việc. Tại Công an xã T, T đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Đối với hành vi T và H trộm cắp 01 con chó ở xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Qua điều tra xác định, con chó mà T và H trộm cắp là của gia đình anh Liễu Văn T, sinh năm 1990 ở thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, do vụ việc xảy ra trên địa bàn huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên Cơ quan điều tra Công an huyện L tách hành vi trộm cắp tài sản của T và H ra khỏi vụ án này để chuyển Cơ quan điều tra Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Star màu sơn xanh, biển kiểm soát 98L1- 1908 mà Cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ khi bắt giữ T và H. Qua điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của ông Phùng Văn H, sinh năm 1958 (là bố của H) ở thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho H mượn, không liên

quan đến hành vi phạm tội nên ngày 09/01/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện L đã trả chiếc xe mô tô trên cho ông H.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đều có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Văn T 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/12/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên giải quyết vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo, các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 15/5/2018, bị cáo Lê Văn T làm đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: mẹ bị cáo bị ốm nặng, hiện đang ở với bị cáo; con trai bị cáo bị bệnh. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Đề nghị giải quyết án phí, vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Văn T không có tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Văn T: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa thấy đủ cơ sở xác định: Lê Văn T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đối tượng nghiện ma túy; Hồi 10 giờ 45 phút ngày 20/12/2017, tại khu vực nghĩa trang thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Lê Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 04 gói ma túy heroin có tổng khối lượng 0,143 gam, mục đích để sử dụng thì bị Công an huyện L kiểm tra bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi như án sơ thẩm nêu là đúng, không oan. Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HS-ST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện. Ma túy là hiểm họa của xã hội, là nguồn gốc phát sinh của nhiều tội phạm, có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, kinh tế, hạnh phúc của con người. Sử dụng trái phép chất ma túy có thể dẫn đến chết người, làm lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS.

Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Tứ thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 73/2014/HSST ngày 20/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt T 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". T chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/6/2017, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới, chứng tỏ bị cáo là con người khó giáo dục cải tạo, do vậy cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố mẹ đẻ bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản án sơ thẩm đã đánh giá và áp dụng cho bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân dân bị cáo đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không nặng đối với bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm nên HĐXX xét thấy cần không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên bị cáo được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Văn T 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/12/2017.

[2] Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Lê Văn T.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKS, TA, CA huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung